

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

- Câu 41:** Nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển giao thông vận tải biển do có  
A. rừng ngập mặn. B. vũng, vịnh nước sâu. C. kênh rạch, ao hồ. D. đầm phá, bãi triều.
- Câu 42:** Biện pháp để chống lũ quét và sạt lở đất là  
A. trồng rừng. B. đập mạnh tăng vụ. C. bón phân thích hợp. D. thâm canh.
- Câu 43:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay?  
A. Có các ngành trọng điểm. B. Tập trung một số nơi.  
C. Tương đối đa dạng. D. Chuyển dịch rõ rệt.
- Câu 44:** Cơ sở nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện ở miền Nam chủ yếu là  
A. năng lượng gió. B. khí tự nhiên.  
C. than. D. năng lượng Mặt Trời.
- Câu 45:** Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu để chống cát bay, cát chảy ở Bắc Trung Bộ là?  
A. Trồng rừng ven biển. B. Chống nhiễm mặn.  
C. Chống ô nhiễm đất. D. Làm ruộng bậc thang.
- Câu 46:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với Campuchia cả trên đất liền và trên biển?  
A. An Giang. B. Kiên Giang. C. Đồng Tháp. D. Cà Mau.
- Câu 47:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất?  
A. Sông Đồng Nai. B. Sông Hồng. C. Sông Cả. D. Sông Mã.
- Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Nẵng có lượng mưa lớn nhất?  
A. Tháng XII. B. Tháng XI. C. Tháng X. D. Tháng IX.
- Câu 49:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào cao nhất trong các núi sau đây?  
A. Vọng Phu. B. Chư Yang Sin. C. Nam Decbri. D. Chư Pha.
- Câu 50:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 1 và có quy mô dân số từ 200 001 - 500 000 người?  
A. Huế. B. Nha Trang. C. Hải Phòng. D. Cần Thơ.
- Câu 51:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4 - 5, cho biết khu kinh tế ven biển Chu Lai thuộc tỉnh nào sau đây?  
A. Quảng Nam. B. Quảng Ngãi. C. Bình Định. D. Phú Yên.
- Câu 52:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn nhất?  
A. Bình Định. B. Quảng Bình. C. Quảng Nam. D. Nghệ An.
- Câu 53:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn hơn thủy sản nuôi trồng?  
A. Bạc Liêu. B. Kiên Giang. C. An Giang. D. Sóc Trăng.
- Câu 54:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Quy Nhơn có ngành nào sau đây?  
A. Luyện kim đen. B. Chế biến nông sản. C. Luyện kim màu. D. Điện tử.
- Câu 55:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn?  
A. Thái Nguyên. B. Hải Phòng. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Bến Tre.
- Câu 56:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 28 nối Gia Nghĩa với nơi nào sau đây?  
A. Phan Thiết. B. Đà Lạt. C. Buôn Ma Thuột. D. Đồng Xoài.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết nơi nào sau đây có khu dự trữ sinh quyển thế giới?

- A. Núi Chúa.                      B. Cần Giờ.                      C. Tràm Chim.                      D. Yok Đôn.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nghệ An.                      B. Hà Tĩnh.                      C. Quảng Bình.                      D. Quảng Trị.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết chè được trồng nhiều ở các tỉnh nào sau đây?

- A. Kon Tum, Gia Lai.                      B. Lâm Đồng, Đắk Lắk.  
C. Gia Lai, Đắk Lắk.                      D. Lâm Đồng, Gia Lai.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

- A. Xa Mát.                      B. An Giang.                      C. Hà Tiên.                      D. Đồng Tháp.

**Câu 61:** Cho bảng số liệu: TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2018

(Đơn vị:‰)

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma	Thái Lan
Tỉ lệ sinh	19	21	18	11
Tỉ lệ tử	7	6	8	8

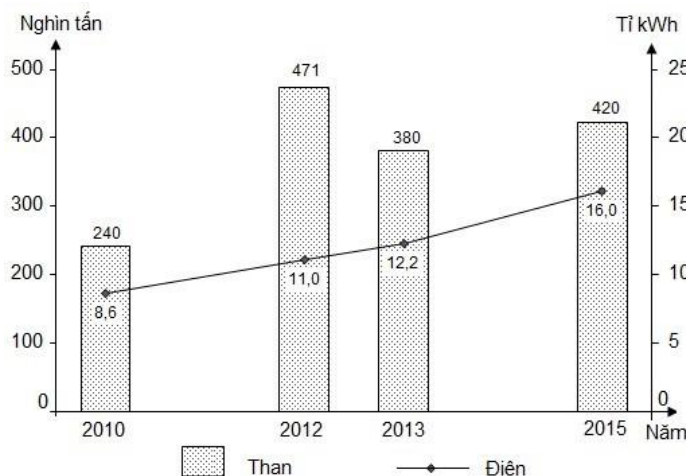
(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nước nào có tỉ lệ gia tăng tự nhiên thấp nhất?

- A. In-đô-nê-xi-a.                      B. Phi-lip-pin.                      C. Mi-an-ma.                      D. Thái Lan

**Câu 62:** Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG THAN VÀ ĐIỆN CỦA MI-AN-MA, GIAI ĐOẠN 2010 -2015



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than và điện của Mi-an-ma giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Cả than và điện tăng ổn định.                      B. Cả than và điện đều giảm.  
C. Sản lượng điện tăng nhanh.                      D. Sản lượng than giảm nhanh.

**Câu 63:** Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có

- A. tổng bức xạ trong năm lớn.                      B. khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt.  
C. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.                      D. nền nhiệt độ cả nước cao.

**Câu 64:** Dân cư nước ta phân bố không đều giữa các vùng gây khó khăn lớn nhất cho việc

- A. nâng cao chất lượng cuộc sống.                      B. bảo vệ tài nguyên và môi trường.  
C. sử dụng có hiệu quả nguồn lao động.                      D. nâng cao tay nghề cho lao động.

**Câu 65:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân thành thị nước ta hiện nay?

- A. Tỉ lệ thấp hơn dân nông thôn.                      B. Số lượng tăng qua các năm.  
C. Phân bố đều giữa các vùng.                      D. Quy mô nhỏ hơn nông thôn.

**Câu 66:** Xu hướng nào sau đây đúng với chuyển dịch trong cơ cấu ngành công nghiệp nước ta?

- A. Đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp.                      B. Tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.  
C. Giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.                      D. Tăng các sản phẩm chất lượng trung bình.

**Câu 67:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi bò ở nước ta hiện nay?

- A. Chuồng trại đã được đầu tư.                      B. Lao động nhiều kinh nghiệm.  
C. Nguồn thức ăn ngày càng tốt.                      D. Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu.

**Câu 68:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất để phát triển hoạt động nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là có nhiều

- A. bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn.
- B. vùng nước quanh đảo, quần đảo.
- C. ô trũng rộng lớn ở các đồng bằng.
- D. sông suối, kênh rạch, ao hồ.

**Câu 69:** Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Chưa hội nhập vào khu vực.
- B. Chủ yếu phục vụ xuất khẩu.
- C. Khối lượng vận chuyển lớn.
- D. Mạng lưới vẫn còn thưa thớt.

**Câu 70:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Đa dạng hóa các loại hình.
- B. Mùa đông dừng hoạt động.
- C. Thu hút nhiều vốn đầu tư.
- D. Phát triển nhiều điểm mới.

**Câu 71:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với tình hình xuất khẩu của nước ta từ sau Đổi mới đến nay?

- A. Kim ngạch xuất khẩu nhìn chung tăng qua các năm.
- B. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản là các thị trường lớn.
- C. Kim ngạch xuất khẩu luôn luôn cao hơn nhập khẩu.
- D. Thị trường được mở rộng theo hướng đa dạng hóa.

**Câu 72:** Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gặp khó khăn chủ yếu nào sau đây?

- A. Mật độ dân số thấp, phong tục cũ còn nhiều.
- B. Trình độ thâm canh còn thấp, đầu tư vật tư ít.
- C. Nạn du canh, du cư còn xảy ra ở một số nơi.
- D. Công nghiệp chế biến nông sản còn hạn chế.

**Câu 73:** Giải pháp nào sau đây là chủ yếu để giải quyết tình trạng thiếu việc làm hiện nay ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Đa dạng hóa các hoạt động sản xuất.
- B. Tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- C. Phân bố lại dân cư và nguồn lao động.
- D. Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lao động.

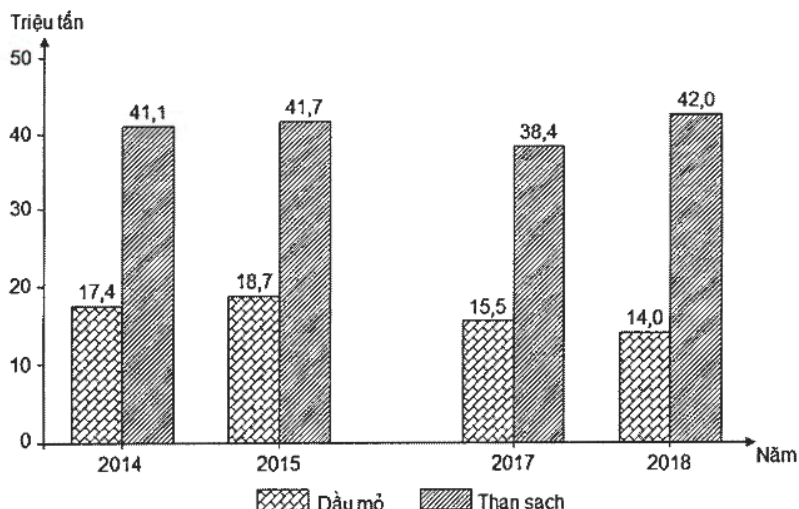
**Câu 74:** Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là

- A. tập trung vốn đầu tư, phát triển khoa học công nghệ.
- B. nâng cao trình độ lao động, hoàn thiện cơ sở hạ tầng.
- C. đẩy mạnh khai thác khoáng sản, đảm bảo năng lượng.
- D. hiện đại cơ sở vật chất kỹ thuật, mở rộng thị trường.

**Câu 75:** Khó khăn lớn nhất vào mùa khô của Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. mực nước sông thấp, thủy triều ảnh hưởng mạnh.
- B. nguy cơ cháy rừng cao, đất nhiễm mặn hoặc phèn.
- C. đất nhiễm mặn hoặc phèn, mực nước ngầm hạ thấp.
- D. thiếu nước ngọt trầm trọng, xâm nhập mặn lấn sâu.

**Câu 76:** Cho biểu đồ về dầu mỏ và than sạch của nước ta giai đoạn 2014 - 2018:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu sản lượng dầu mỏ và than sạch.
- B. Quy mô sản lượng dầu mỏ và than sạch.

C. Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và than sạch.

D. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng dầu mỏ và than sạch.

**Câu 77:** Yếu tố nào sau đây làm cho ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu của nước ta sâu sắc hơn?

A. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích, núi cao lan ra sát biển, bờ biển dài.

B. Lãnh thổ hẹp ngang, cấu trúc địa hình theo hướng tây bắc - đông nam.

C. Đồng bằng ven biển thấp, nhỏ, hẹp ngang với nhiều đầm phá.

D. Lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ độ, nhiều đồng bằng châu thổ rộng.

**Câu 78:** Biện pháp cấp bách nhất hiện nay để bảo vệ rừng tự nhiên ở Tây Nguyên là

A. đóng cửa rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng.      B. chú trọng giao đất, giao rừng cho người dân.

C. đẩy mạnh việc khoanh nuôi, trồng rừng mới.      D. khai thác rừng hợp lí, đẩy mạnh chế biến gỗ.

**Câu 79:** Vấn đề có ý nghĩa cấp bách trong phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

B. đẩy mạnh đánh bắt các loài cá quý có giá trị cao.

C. tăng cường nuôi trồng thủy sản ở tất cả các tỉnh.

D. phát triển mạnh chế biến theo hướng hàng hóa.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA,  
GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

Năm	Tổng sản lượng (nghìn tấn)	Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn)	Giá trị xuất khẩu (triệu đô la Mỹ)
2010	5 143	2 728	5 017
2013	6 020	3 216	6 693
2014	6 333	3 413	7 825
2015	6 582	3 532	6 569

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Để thể hiện sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Đường.

B. Miền.

C. Kết hợp.

D. Cột.

-----Hết-----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

## ĐÁP ÁN THAM KHẢO

<b>41</b>	<b>42</b>	<b>43</b>	<b>44</b>	<b>45</b>	<b>46</b>	<b>47</b>	<b>48</b>	<b>49</b>	<b>50</b>
B	A	B	B	A	B	D	C	B	A
<b>51</b>	<b>52</b>	<b>53</b>	<b>54</b>	<b>55</b>	<b>56</b>	<b>57</b>	<b>58</b>	<b>59</b>	<b>60</b>
A	D	B	B	B	A	B	B	D	A
<b>61</b>	<b>62</b>	<b>63</b>	<b>64</b>	<b>66</b>	<b>66</b>	<b>67</b>	<b>68</b>	<b>69</b>	<b>70</b>
D	C	B	C	C	A	D	A	D	B
<b>71</b>	<b>72</b>	<b>73</b>	<b>74</b>	<b>75</b>	<b>76</b>	<b>77</b>	<b>78</b>	<b>79</b>	<b>80</b>
C	D	A	A	D	B	B	A	A	C

## GIẢI THÍCH THAM KHẢO

CÂU	ĐÁP ÁN	GIẢI THÍCH
41	B	Nước ta có đường bờ biển dài (3260 km), ven biển ở nhiều nơi có vũng, vịnh nước sâu, kín gió thuận lợi cho xây dựng cảng, nhất là ven biển Nam Trung Bộ.
42	A	Ở miền núi, nơi có địa hình dốc, biện pháp quan trọng để chống lũ quét, sạt lở đất là trồng rừng.
43	B	Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta khá đa dạng (gồm 3 nhóm với 29 ngành CN) và đang có sự chuyển dịch rõ rệt. Trong cơ cấu ngành CN nổi lên một số ngành CN trọng điểm. Dùng phương pháp loại trừ ta dễ dàng xác định được đáp án.
44	B	Hiện nay, cơ sở nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện ở miền Nam chủ yếu là khí tự nhiên (được khai thác từ thềm lục địa phía Nam). Các nhà máy điện chạy bằng tuốc bin khí như Bà Rịa, Phú Mỹ, Cà Mau,...
45	A	Thiên tai chủ yếu ở vùng ven biển nước ta, nhất là ven biển Bắc Trung Bộ là bão, cát bay, cát chảy, ...nên cần trồng rừng phòng hộ ven biển để chắn gió, chắn cát bay, cát chảy.
46	B	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
47	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
48	C	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
49	B	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
50	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
51	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
52	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
53	B	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
54	B	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
55	B	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
56	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
57	B	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
58	B	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
59	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
60	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
61	D	Áp dụng công thức, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên = Tỉ lệ sinh - Tỉ lệ tử. Đáp án đúng là Thái Lan vì có tỉ lệ gia tăng tự nhiên là 3 % thấp nhất trong các nước đã cho.
62	C	Căn cứ vào biểu đồ, ta thấy sản lượng điện tăng nhanh, tăng liên tục.
63	B	Do nằm ở khu vực gió mùa Châu Á, nơi diễn hình hoạt động của gió mùa trên thế giới nên khí hậu nước ta có sự phân chia thành hai mùa rõ rệt.
64	C	Dân cư nước ta phân bố không đều giữa các vùng, phần lớn tập trung ở đồng bằng, thưa thớt ở miền núi. Điều này đã gây khó khăn cho sử dụng hiệu quả lao động và khai thác tài nguyên (đồng bằng là nơi đất chật, người đông nên thừa lao động, miền núi nhiều tài nguyên nhưng thiếu lao động).

65	C	Phân bố dân thành thị không đều giữa các vùng; các đô thị, nhất là các đô thị lớn tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng châu thổ, vùng ven biển (sử dụng Atlas trang 15). Nên nói dân thành thị nước ta phân bố đều giữa các vùng là không chính xác.
66	A	Công nghiệp nước ta đang có sự chuyển dịch cơ cấu ngành sản xuất (giảm tỉ trọng CN khai thác, tăng tỉ trọng CN chế biến) và đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp (tăng tỉ trọng các sản phẩm chất lượng cao, cạnh tranh về giá, giảm tỉ trọng các sản phẩm chất lượng thấp và trung bình không phù hợp với thị trường). Dùng phương pháp loại trừ để chọn được đáp án đúng.
67	D	Ngành chăn nuôi nước ta hiện nay, trong đó có chăn nuôi bò đang tiến lên sản xuất hàng hóa. Tuy vậy, do cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi còn hạn chế nên sản phẩm chất lượng chưa cao, nhiều sản phẩm chưa cạnh tranh được trên thị trường thế giới. Nên nói sản phẩm chăn nuôi chủ yếu để xuất khẩu là không chính xác.
68	A	Điều kiện thuận lợi nhất để nuôi thủy sản nước lợ ở nước ta là có nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn, còn vùng nước quanh đảo, quần đảo không nuôi thủy sản nước lợ. Riêng ô trũng ở đồng bằng, ao hồ, sông suối, kênh rạch thuận lợi cho nuôi thủy sản nước ngọt.
69	D	Giao thông đường bộ nước ta có mạng lưới rộng khắp, nhìn chung phủ kín cả nước, đã nối kết với các tuyến đường bộ khu vực, xuyên Á. Giao thông đường bộ có khối lượng vận chuyển lớn nhất trong các loại hình vận tải và chủ yếu phục vụ trong nước.
70	B	Du lịch biển là ngành kinh tế phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, nhất là sự phân mùa khí hậu. Mùa hạ du lịch biển diễn ra thuận lợi hơn, mùa đông diễn ra ít hơn. Ở phía Nam nước ta, du lịch biển ở diễn ra thuận lợi quanh năm do nền nhiệt cao quanh năm. Nên nói du lịch biển mùa đông dùng hoạt động là không chính xác.
71	C	Từ sau Đổi mới, kim ngạch xuất khẩu của nước ta tăng lên, tuy vậy một thời gian dài kim ngạch xuất khẩu luôn thấp hơn nhập khẩu, nước ta nhập siêu (căn cứ vào Atlas trang 24). Hiện nay, cán cân xuất nhập khẩu đang tiến dần đến sự cân đối. Nên nói từ sau Đổi mới, kim ngạch xuất khẩu luôn cao hơn nhập khẩu là không chính xác.
72	D	Trung du miền núi Bắc Bộ có điều kiện tự nhiên thuận lợi để trồng cây CN, nhất là cây CN lâu năm cận nhiệt (chè). Nhưng CN chế biến nông sản của vùng còn hạn chế nên việc đẩy mạnh sản xuất cây CN lâu năm gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến chất lượng và giá trị sản phẩm cây CN.
73	A	Tình trạng thiếu việc làm ở ĐBSH diễn ra chủ yếu ở vùng nông thôn (do dân số đông, lao động dồi dào, cơ cấu kinh tế kém đa dạng, nông nghiệp là nghề chính với tính chất mùa vụ trong NN) nên cần đa dạng hóa các hoạt động sản xuất ở vùng nông thôn, phát triển các ngành nghề truyền thống là biện pháp chủ yếu để giải quyết việc làm.
74	A	Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu là nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ trên cơ sở đầu tư vốn và khoa học công nghệ. Vùng Đông Nam Bộ đang đẩy mạnh khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp bằng giải pháp tập trung vốn đầu tư, phát triển khoa học công nghệ nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng công nghiệp gắn với giải quyết tốt vấn đề XH và môi trường.
75	D	Đồng bằng sông Cửu Long có địa hình thấp, ba mặt giáp biển, có nhiều cửa sông, kênh rạch chằng chịt chính vì vậy trong mùa khô khi nước sông Mê Kông hạ thấp kết hợp với hiện tượng triều cường dâng cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp làm gia tăng xâm nhập mặn, nhiễm mặn, nhiễm phèn dẫn đến thiếu nước ngọt trầm trọng trong mùa khô.
76	B	Đối với biểu đồ cột, để chọn đúng tên biểu đồ ta nên quan sát chú giải và đơn vị của biểu đồ (đơn vị ở đây là triệu tấn), kết hợp với phương pháp loại trừ đáp án (biểu đồ miền, tròn thể hiện rõ được cơ cấu, biểu đồ đường thể hiện rõ được tốc độ tăng trưởng), ta dễ dàng chọn được đáp án.

77	B	Nước ta có đường bờ biển dài và một vùng biển rộng lớn, biển Đông đã làm tăng độ ẩm của các khối khí di chuyển qua biển, mang lại cho nước ta một lượng mưa và ẩm lớn. Lãnh thổ nước ta lại kéo dài, hẹp ngang, cấu trúc địa hình theo hướng tây bắc - đông nam càng tạo điều kiện cho gió biển xâm nhập sâu vào đất liền, làm giảm tính lục địa, tăng tính hải dương.
78	A	Tây Nguyên có diện tích rừng và độ che phủ rừng lớn nhất nước ta, tuy vậy diện tích rừng đang bị suy giảm nghiêm trọng do khai thác quá mức và do cháy rừng, nên vấn đề cấp bách đặt ra là phải đóng cửa rừng, ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng bừa bãi.
79	A	Vấn đề cấp bách trong phát triển nghề cá của Duyên hải Nam Trung Bộ là khai thác hợp lí đi đôi với bảo vệ nguồn lợi thủy sản (SGK trang 162), có như vậy mới đảm bảo khai thác lâu dài nguồn lợi thủy sản.
80	C	Dùng phương pháp loại trừ để chọn đáp án, ta loại được 2 loại biểu đồ là miền và đường (biểu đồ miền thể hiện được rõ được sự chuyển dịch cơ cấu; biểu đồ đường thể hiện rõ được tốc độ tăng trưởng), còn biểu đồ cột và đường, quan sát bảng số liệu ta thấy có 3 đối lượng với <b>2 đơn vị khác nhau</b> nên biểu đồ kết hợp thể hiện được rõ nhất.